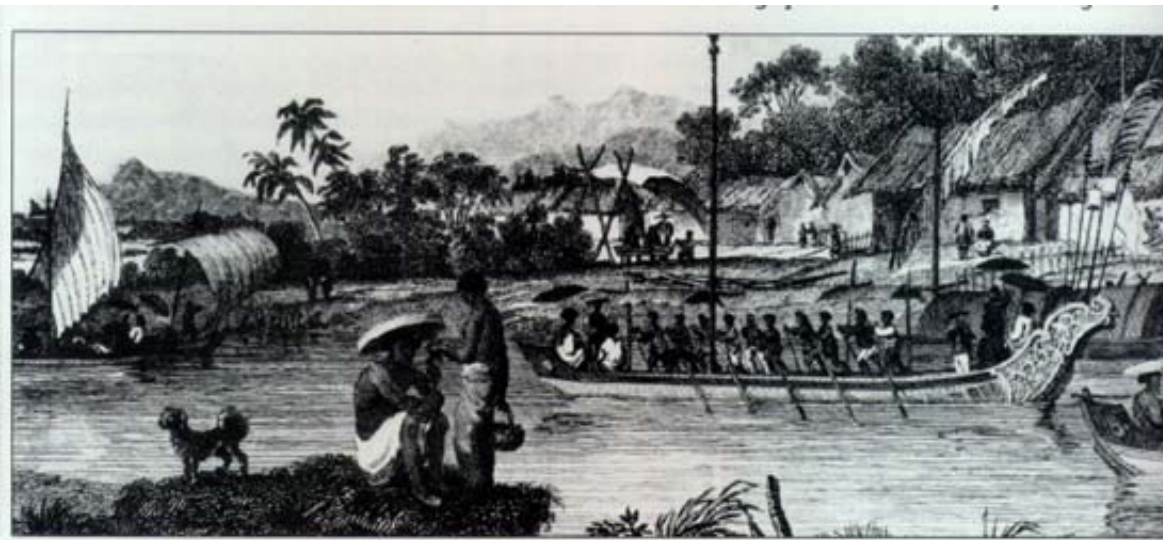


Theo Giáo Sư Nguyễn Văn Xuân: "Hội An thật sự được thành lập vào sơ niên thế kỷ XVII. Ngay từ những năm đầu, nó đã trực thuộc vào dinh trấn Thanh Chiêm ở cách đó chừng 10 cây số. Trấn này gọi là Quảng Nam, trước kia gồm các phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn; về sau, kết hợp phủ Điện Bàn thành ra bốn phủ. Vị đứng đầu dinh trấn trong nhiều năm, bao giờ cũng là các con Chúa và sau đều trở thành nguyên thủ tức là Chúa Nguyễn như Nguyễn Phước Nguyên, Phước Lan, Phước Tần... Do lễ trấn quan trọng, giàu có (hồi đó rất nhiều vàng trên mặt đất, rừng có nhiều trầm hương quế, thú lạ) nên được thiên hạ ở tứ xứ đổ về buôn bán: Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Anh, Pháp... Khách đến, ngoài việc mậu dịch còn có nhiều người chuyên về tôn giáo, du lịch, lánh nạn, mở đường thông thương...

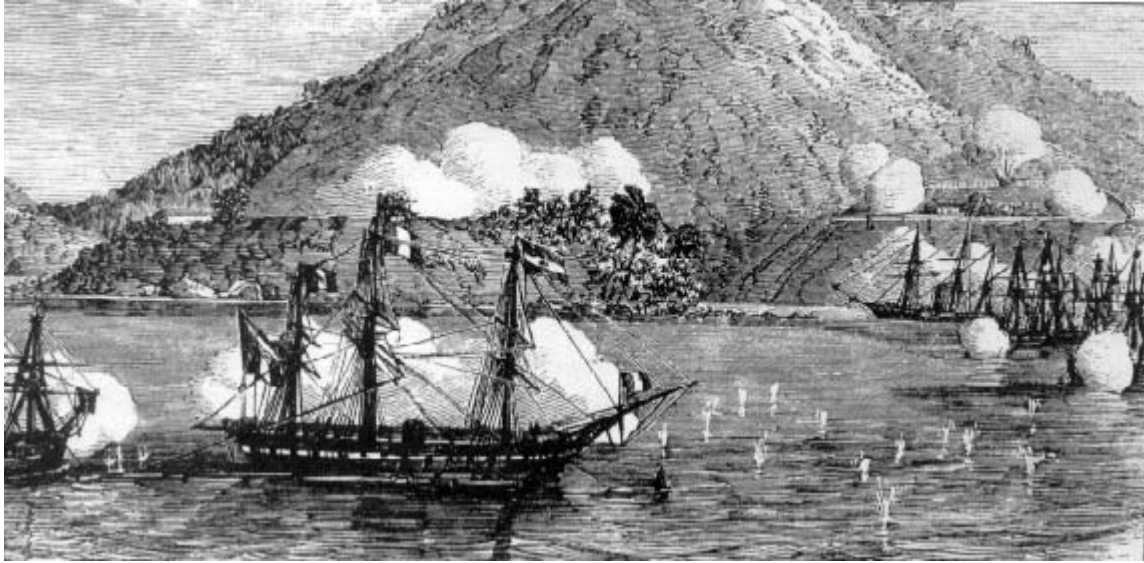


*Một trạm buôn bán của người Bồ Đào Nha tại Hội An vào đầu thế kỷ 17*

Khoảng thời gian năm 1600, thương thuyền Nhật đã xây nên cầu Nhật gọi là Lai Viễn Kiều hiện nay, với lối kiến trúc hoàn toàn của bản sắc văn hóa Nhật. Theo truyền thuyết của người địa phương cho biết người Nhật xây cầu Nhật Bản này để chống động đất. Nơi yếu điểm thân mình của con Rồng vĩ đại mà đầu ở Ấn Độ và đuôi ở Nhật Bản, nếu không yểm bằng kiếm thiêng, con Rồng sẽ vươn mình làm cho thiên tai khủng khiếp có thể xảy ra không lường mức độ thiệt hại về nhân mạng và vật chất. Cùng thời gian đó các người Trung Hoa cũng đã hình thành khu phố Quảng Đông, trung tâm buôn bán với người bản xứ. Cuối thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17, các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha, Pháp đã theo các thương thuyền ghé đến Hội An để truyền đạo. Một trong những vị giáo sĩ lừng danh nhất của Pháp là Alexandre Rhodes đã đến Hội An và tại thành phố cổ kính ông đã sáng tạo ra chữ quốc ngữ từ tiếng Latin, để đọc và dùng cho đến ngày nay. Vào thế kỷ 18 và 19, những biến cố tang thương vì sự tranh ngai giữa những nhân vật trong hoàng tộc ở kinh thành Huế đã phá hủy di sản quý báu cổ kính của Hội An.



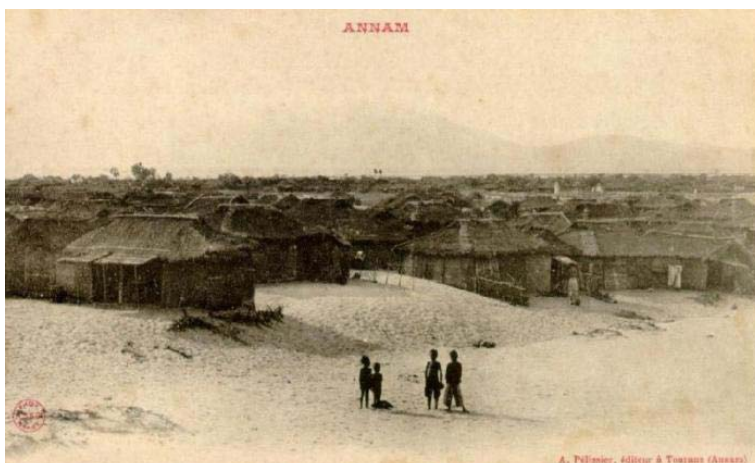
Không ảnh chụp thành phố Hội An vào năm 1930.



*Hải Cảng Đà Nẵng trong thời kỳ quân Pháp đang bắt đầu dòm ngó Việt Nam*

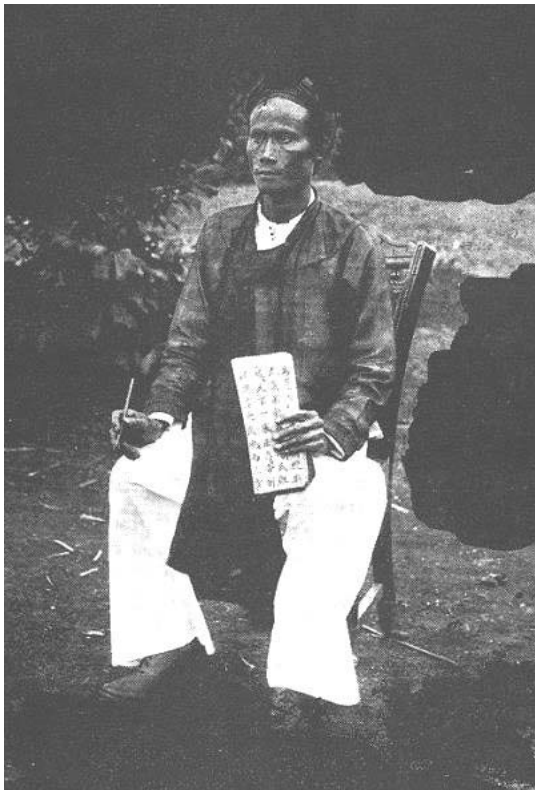
*Thực dân Pháp đổ bộ lên bờ biển Đà Nẵng.*

Ngày 30 tháng 8 năm 1858, 1500 quân Pháp và 850 quân Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Đô Đốc Rigault de Genouilly, đòi quan tổng trấn Quảng Ngãi là Trần Hoàng phải giao nộp đồn lũy. Quân Việt Nam không trả lời tới hậu thư của Pháp. Liên Quân Pháp Tây Ban Nha bắt đầu pháo kích vào Sơn Chà và Nại Hiên Đông. Quân ta rút lui trong hỗn loạn. Nguyễn Tri Phương được vua Tự Đức triệu hồi từ Gia Định ra Đà Nẵng để bảo vệ thành phố quan trọng này. Tại đây, Nguyễn Tri Phương ổn định tình hình và chiến đấu một cách anh dũng.



*Bờ biển Đà Nẵng thời Pháp thuộc*

*Các sĩ tử, rất đông trong số đó là từ  
Quảng Nam, đang chờ đến giờ thi*



Nho sĩ ngày xưa



*Cảnh trường thi năm 1897.  
Trong kỳ thi này Quảng Nam có  
các ông Ông Thọ Bình (Điện  
Bàn), Hồ Sĩ Cảnh (Thăng Bình),  
Hoàng Đông (Điện Bàn) ... dự thi  
và trúng tuyển*

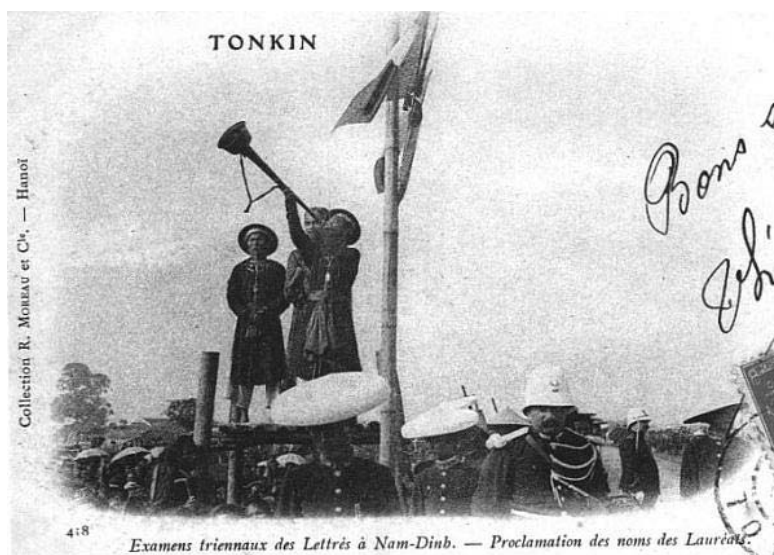
*Cảnh các quan giám khảo đang quan  
sát trường thi Nam Định*

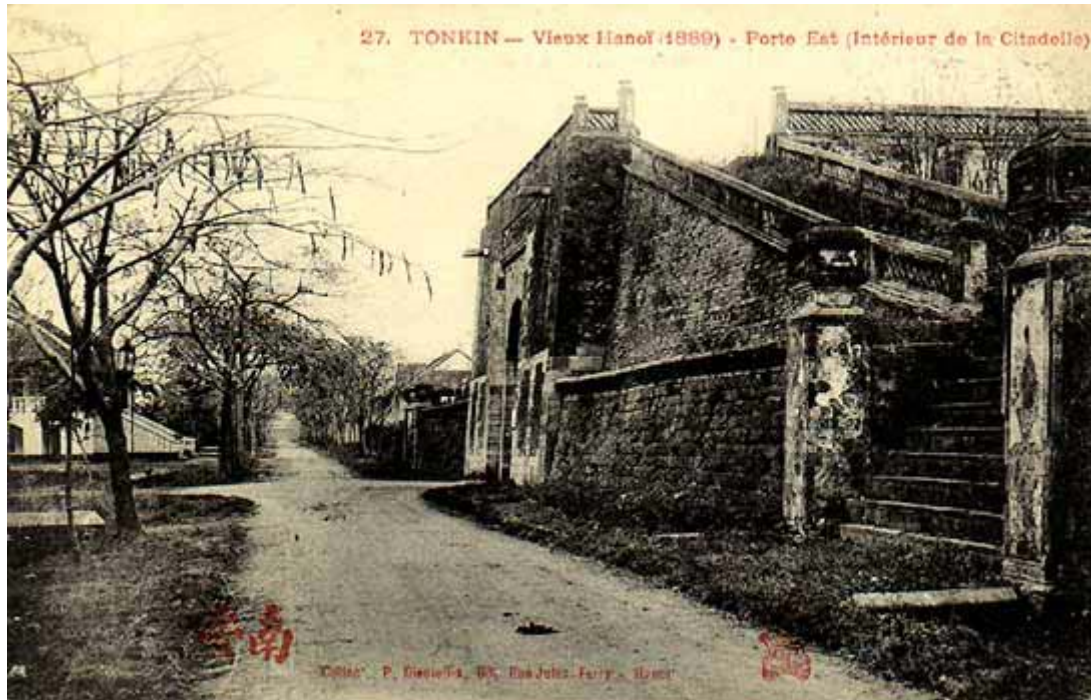




*Một lớp học ngày xưa*

*Tiếng loa loan báo kết quả tại trường thi Nam Định*





Một góc thành Hà Nội vào năm 1889 nơi đây Rạng ngày 25 tháng 4 năm 1882, tức ngày mồng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ, Henri Rivière sai thông dịch viên đưa tối hậu thư vào thành cho ông Hoàng Diệu, buộc ông phải cho quân lính rời khỏi thành sau khi hạ hết khí giới và mở cửa thành, ông cùng các quan phải ra nộp mình cho hắn . Theo bản Correspondance politique du Commanant Henri Riviere au Tonkin của André Masson thì Henri Riviere buộc "Đúng 8 giờ sáng ngài phải thân hành đến dinh tôi hàng phục, có mặt đông đủ các quan Tuần Phủ, Bố Chánh, Án sát, Đề Đốc, Chánh, Phó Lãnh Binh . Nếu đúng 8 giờ, Ngài và toàn thể thuộc viên của Ngài không đến Lãnh sự quán để tỏ vẻ chấp thuận những điều kiện của tôi, thì quân đội của tôi lập tức tấn công vào thành". Hoàng Diệu một mặt xin triều đình Huế viện binh, một mặt ra lệnh giới nghiêm và thông báo các tỉnh đề phòng. Trong khi Hà Nội ở trong tình thế dầu sôi lửa bỏng thì phái chủ bại ở triều đình Huế đề nghị mở cửa thành cho quân Pháp ra vào tự do và triệt binh để người Pháp khỏi nghi ngờ . Ngay cả Vua Tự Đức cũng hạ chiếu quở trách ông đã đem binh dọa giặc và chế ngự sai đường. Nhưng ông Hoàng Diệu đã quyết tâm sống chết với thành. Các quan xung quanh ông Hoàng Diệu lúc bấy giờ có Tuần Phủ Hoàng Hữu Xung, Đề Đốc Lê Văn Trinh, Bố Chánh Phan Văn Tuyển, Án Sát Tôn Thức Bá, và lãnh binh Lê Trực đã cùng nhau uống rượu hòa máu tỏ quyết tâm sống chết với thành .

Sau một cuộc chiến đấu nhưng vô vọng, quân ta dần tan rã . Trong vòng khói lửa ngợp trời ấy, ông Hoàng Diệu đi về dinh, nai nịt gọn gàng, mặc chiếc áo the thâm, tấm khăn nhiễu xanh chít lên đầu, và dải dây lưng nhiễu hồng thắt ra áo ngoài, tay cầm thanh kiếm tuốt trần, rồi lên mình voi xông trong mưa đạn tiến vào thành cung . Tại đây ông truyền lệnh: "Ai muốn về kinh thì về, còn ai muốn chiến đấu nữa thì lên Sơn Tây tập hợp với đại binh của Hoàng Kế Viêm chờ ngày báo phục". Khi mọi người giải tán, ông vào dinh viết bài di biểu tạ tội, rồi quay ra đi thẳng đến cửa Võ Miếu lật chiếc khăn đang bịt trên đầu treo mình lên cành cây trước Miếu mà tuần tiết đúng vào giờ Ngọ, tức ngày 25 tháng 4 năm 1882. Ông thọ 54 tuổi .

Tên thật là Trương Văn Thám, tục gọi là Hoàng Hoa Thám. Thân sinh là cụ Trương Văn Vinh ở thôn Lang Trung (Yên Thế). Thân mẫu không rõ tên là gì, người ta chỉ biết bà cụ quê ở làng Ngọc Cự, kế bên thôn Lang Trung. Hoàng Hoa Thám cưới vợ vào lúc 18 tuổi và có được một trai, tên là Cả Trọng. Thám tình nguyện gia nhập vào đoàn nghĩa quân cách mạng do viên Lãnh Binh Trần Quang Soạn ở Bắc Ninh điều khiển, năm ấy Thám mới 20 tuổi. Hoàng Hoa Thám đã nhiều lần chứng tỏ mình là một chiến sĩ ưu tú nhất trong việc kháng Pháp bên cạnh các nhà cách mạng nổi tiếng như Tán Thuật (tức Nguyễn Thiện Thuật, làm chức Tán Tương Quân Vụ) và Đề Kiêu.

Vào năm 23 tuổi, Hoàng Hoa Thám đã từng theo nghĩa phụ là Bá Phúc vận động nghĩa quân tại Vân Nam giúp cho viên Cai Kinh ở Lạng Sơn. Trong những ngày hợp tác với Cai Kinh, nhờ có tài về quân sự lại có đờm lược hơn người, Thám được phong chức Đốc Binh. Do đó, mọi người gọi Hoàng Hoa Thám là Đề Thám. Cai Kinh bị giết chết ở Lạng Sơn vào ngày 6-7-1888, Đề Thám liền đứng ra tụ họp một số nghĩa quân để đánh phá những vùng Quế Dương, Võ Giàng, Hiệp Hòa, Việt Yên...

Quân Pháp bấy giờ lấy làm lo ngại trước sự tấn công ác liệt và mạnh mẽ của quân Đề Thám. Đề trừ mối họa lớn, Pháp liền cho họa hình của Đề Thám dán khắp nơi, với lời khuyến khích ai giết được Đề Thám sẽ lãnh thưởng trọng hậu. Tuy xuất thân từ gia đình nông dân, Đề Thám là con người có hoài bão to tát, có chí lớn hơn người. Trước gót sắt xâm lăng của Pháp, Đề Thám cương quyết chiến đấu đến cùng để giành lại tự do cho dân tộc.

Thế lực của Đề Thám càng ngày càng lớn mạnh. Vào năm 1889, lực lượng kháng Pháp của Đề Thám có hơn 500 khẩu súng và một số nghĩa quân hết lòng hy sinh vì đại nghĩa. Thám cho tập trung tất cả các nghĩa quân tại làng Đình Thảo thuộc Nhã Nam để làm lễ tế cờ, khao quân và cùng nhau uống máu ăn thề sinh tử có nhau. Thám chia quân ra nhiều nơi và làm đồn ải để mưu việc trường kỳ kháng Pháp. Những địa điểm được chọn là: Phủ Lạng Thương, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc Yên, Bắc Giang, ở những nơi này đều có căn cứ và lực lượng vũ trang trấn giữ. Riêng vùng Yên Thế được Thám chọn làm nơi đóng quân của bộ chỉ huy, vì nơi đây được xem như là một hiểm địa, có thể lo kéo dài trong việc tổ chức chống Pháp. Ngoài ra, Thám lại còn tìm cách liên lạc với các giới, qui nạp những người có lòng yêu nước chân thành, tạo thành một hậu thuẫn vững mạnh trong việc kháng Pháp lâu dài.

Tuy nhiên, sau 30 năm nằm gai nếm mật chiến đấu trong anh hùng và gian khổ, ngày 10 tháng 2 năm 1913, lúc 4 giờ 30 sáng, 3 tên thổ phỉ do Lương Tam Kỳ phái đến dùng cuộc đập vào đầu Đề Thám, sau đó cắt đầu người anh hùng có một không hai trong lịch sử kháng Pháp, đem dâng cho thực dân.



*Anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám và các con*



*Một căn cứ của Đề Thám tại Yên Thế*



Hình ảnh tên phản quốc "Khâm Sai Đại Thần" Lê Hoan, Tổng Đốc Hải Dương và tay sai đặc lực của Thực Dân Pháp trong cuộc chiến tranh chống lại Đề Đốc Hoàng Hoa Thám. Theo sử gia Phạm Văn Sơn trong quân sử Việt Nam Cộng Hòa " nhằm mục đích tiết kiệm xương máu và san sẻ bớt sự vất vả cho quân đội viễn xâm Pháp. Ngày 30 tháng 7 năm 1909, cái triều đình tay sai Huế của Pháp ở

Huế bèn thi hành lệnh của quân cướp nước, cử tên đại việt gian Lê Hoan, đem 400 thân binh phối hợp với quân Pháp khủng bố đồng bào của nó.."





*Vua Khải Định*

Năm 1922, vua Khải Định sang dự cuộc đấu xảo quốc tế ở Ba Lê, Phan Chu Trinh gửi cho nhà vua một bức thư lời lẽ nghiêm khắc buộc Khải Định phải thoái vị nhường quyền lại cho quốc dân và kể bảy tội nhà vua đã làm và đáng tội chém đầu. Có đoạn ông đã viết : "... Một là vì Trinh này đối cùng bệ hạ đã đoạn tuyệt hẳn, không còn một chút quan hệ gì, chỉ đứng vào cái địa vị đối đãi mà thôi, cho nên bức thư này không phải dâng lên cho bệ hạ mà chính là gửi cho bệ hạ, hai chữ bệ hạ mà tôi dùng đây, chẳng qua là cái tiếng xưng hô đã quen trong Hán văn đó mà thôi ... ngày nay Trinh này đề thư cứ gửi ngay cho ông Bửu Đảo là cái tên húy của bệ hạ , để tỏ ý phản đối ." Bức thư của ông, sau khi được công bố, khích động được tinh thần tranh đấu của đồng bào trong và ngoài nước .

*Phu Việt Nam trong các đồn điền cao su của Pháp tại miền Nam*



Vào khoảng tháng 9 năm 1915, Trần Cao Vân được Việt Nam Quang Phục Hội ủy nhiệm cùng bạn đồng chí là Thái Phiên tiếp xúc với vua Duy Tân để mời nhà vua tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Trần Cao Vân và Thái Phiên đã tìm đủ mọi cách đưa Phan Hữu Khánh vào làm tài xế cho vua Duy Tân để thực hiện được chương trình giao phó. Trong dịp này, Phan Hữu Khánh đã dâng lên vua Tự Đức một bức thư đại ý tâu trình lên vua những thảm trạng của đất nước và sự nô lệ của dân tộc và nguyện vọng của dân chúng mong muốn khôi phục lại nền độc lập của quốc gia. Xem thư xong, vua Duy Tân vô cùng cảm động và mong ước được hội kiến với các nhà ái quốc để luận bàn quốc sự.

Ngày 12 tháng 3 âm lịch (1916), Cao Vân và Thái Phiên giả làm người đi câu, đến tìm gặp vua Duy Tân trên Ngự Hà và hoạch định chương trình khởi nghĩa cứu quốc. Sau đó, ít lâu Cao Vân và Thái Phiên được bầu vào ủy ban khởi nghĩa tại kinh đô Huế trong dịp tiếp xúc nhà vua lần thứ hai. Thái Phiên giữ chức chủ tịch và Cao Vân làm chức quân sự. Lúc đầu cuộc tổng khởi nghĩa định vào giờ Ngọ, ngày Ngọ, tháng Ngọ tức là ngày mùng 2 tháng 5 năm Bính Thìn (nhằm ngày 8 tháng 6 năm 1916). Trần Cao Vân đã làm bài thơ "Hỏa Xa Quế Hàn" dưới đây để ra hiệu lệnh mật cho các nơi:

*Một nỗi xa thơ đã biết chưa ?  
Bắc Nam hai ngã gặp nhau vừa,  
Đường rầy đã sẵn thang mây bước.  
Ổng khói càng cao ngọn gió đưa.  
Sầm dậy tứ bề trăm máy chuyển,  
Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa  
Trời sai ra dọn xong từ đây,  
Một mối xa thơ đã biết chưa ?*

Nhưng sau đó, theo quyết nghị chung, vì trường hợp khẩn cấp, phải khởi nghĩa trước một tháng, vào đêm mùng 2 tháng 4 năm Bính Thìn, tức ngày 3 tháng 5 năm 1916. Nhưng ngay chiều mùng 1 âm mưu bị bại lộ, quân Pháp đã áp dụng những biện pháp đề phòng rất gắt. Trần Cao Vân và Thái Phiên không ngờ vực gì cả, cứ theo như kế hoạch đã định đưa vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành. Vua Duy Tân và Thái Phiên bị bắt gần cửa Nam Giao (Huế), còn Trần Cao Vân cũng bị bắt tại Hà Trung thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên.



Vua Duy Tân



*Vua Duy Tân và con ông tron đời  
sống lưu đày trên đảo trên đảo Réunion*



